TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST;
Ngày: 28/6/2023.
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Lê Thị Thu Yến**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đào.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Nhật Minh**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Cẩm Thuý** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXX-ST ngày 15/5/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Anh Nguyễn Văn Q1** - sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp T2 A, xã T2, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn*: **Chị Trương Thị Tú T** - sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số 143/13 ấp M, xã N, thành phố Q, Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q1 trình bày: Anh và chị T sống chung vào năm 2010, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2 vào ngày 08/10/2010. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống chung, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Khánh T3, sinh ngày 29/7/2011. Hiện tại, cháu T3 đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho

chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung: Anh Q1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Q1 khai không có.

* Bị đơn chị Trương Thị Tú T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q1.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy:

- Về tình cảm: Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị T vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Q1 nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q1.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Khánh T3 – sinh năm 2011, hiện đang sống chung với chị T. Toà án đã áp dụng mọi biện pháp tuy nhiên không thể lấy lời khai của cháu T3. Do đó đề nghị Tòa án chấp nhận theo yêu cầu của anh Q1, giao cháu T3 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận việc anh Q1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T3 tròn 18 tuổi lao động được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Q1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị T, giải quyết vấn đề con chung của anh chị. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền gải quyết: Bị đơn đang cư trú tại ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Q1 có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Q1, Tòa xét thấy: Anh Q1 trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập chị T nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắng mối quan hệ vợ chồng nhưng chị T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Q1. Qua đó cho thấy chị T không có

thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với anh Q1. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh Q1, cho anh Q1 được ly hôn với chị T.

[5] Về con chung: Theo anh Q1 trình bày cháu Nguyễn Khánh T3 – sinh năm 2011, hiện đang sống chung với chị T nhưng anh Q1 không liên lạc và cũng không cung cấp được địa chỉ đang sinh sống của chị T, cháu T3. Toà án đã xác minh tại địa phương nơi chị T thường trú tuy nhiên địa phương cũng không cung cấp được địa chỉ hiện tại của chị T và cháu T3 đang sinh sống. Do đó Toà án không thể lấy lời khai của cháu T3 theo quy định pháp luật.

Xét thấy yêu cầu của anh Q1 về việc giao cháu T3 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên Toà án chấp nhận. Đồng thời, ghi nhận việc anh Q1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T3 tròn 18 tuổi lao động được.

[6] Về tài sản chung : Anh Q1 không yêu cầu nên Toà án không xem xét.

[7] Về nợ chung: Anh Q1 khai không có nên Toà án không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Q1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm xét thấy phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q1.

Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn Q1 được ly hôn với chị Trương Thị Tú T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh T3, sinh ngày 29/7/2011 cho chị Trương Thị Tú T được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Q1 về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Khánh T3 tròn 18 tuổi lao động được. Anh Nguyễn Văn Q1 được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

2. Án phí:

Anh Nguyễn Văn Q1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023580 ngày 15/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q. Như vậy, anh Nguyễn Văn Q1 còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND xã T2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).